



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
PetroVietnam Securities Incorporated
Website: <http://psi.vn> | Email: psi@psi.vn

2010

Báo cáo thường niên



Hà Nội, tháng 03 năm 2011

MỤC LỤC



PHẦN I: LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
1. Lịch sử hình thành	3
2. Quá trình phát triển công ty	3
3. Định hướng phát triển	4
3.1. Quan điểm phát triển	4
3.2. Nguyên tắc phát triển	4
3.3. Quan điểm chiến lược	5
3.4. Mục tiêu	5
PHẦN II: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	6
1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010	6
2. Tình hình hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2010	7
3. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2010	8
3.1. Về công nghệ	8
3.2. Về phát triển mạng lưới	8
3.3. Về hoạt động kiểm soát rủi ro	8
4. Triển vọng về kế hoạch năm 2011	8
PHẦN III: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	9
1. Báo cáo tình hình tài chính	9
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010	10
3. Những biện pháp đã thực hiện	11
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	11
4.1. Kế hoạch hoạt động chi tiết theo từng hoạt động kinh doanh	11
4.1.1. Môi giới chứng khoán	11
4.1.2. Dịch vụ chứng khoán	12
4.1.3. Lưu ký và quản lý cổ đông	12
4.1.4. Hoạt động tư vấn và bảo lãnh phát hành	12
4.1.5. Hoạt động đầu tư tài chính	12
4.2. Kế hoạch hoạt động chi tiết đối với các hoạt động quản lý, hỗ trợ kinh doanh	12
4.2.1. Hoạt động tài chính kế toán	12
4.2.2. Hoạt động phân tích	13
4.2.3. Hoạt động hành chính – nhân sự và phát triển nguồn nhân lực	13
4.2.4. Hoạt động quản lý nghiệp vụ, pháp chế, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ	13
4.2.5. Hoạt động công nghệ thông tin	14

4.2.6. Hoạt động phát triển mạng lưới và thương hiệu.....	14
PHẦN IV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	14
PHẦN V: GIẢI TRÌNH BÁO CÁO KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14
1. Kiểm toán độc lập.....	14
2. Cơ sở của ý kiến	15
3. Ý kiến.....	15
PHẦN VI: CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN.....	15
PHẦN VII: TỔ CHỨC NHÂN SỰ	15
1. Cơ cấu tổ chức công ty.....	15
2. Tóm tắt lý lịch cá nhân trong Ban Điều hành	15
2.1. Ông Bùi Ngọc Thắng – Chủ tịch HĐQT Công ty.....	15
2.2. Ông Phạm Quang Huy – Tổng Giám đốc Công ty	16
2.3. Ông Trần Hùng Dũng – Phó Tổng Giám đốc Công ty.....	17
2.4. Ông Nguyễn Xuân Hưng – Phó Tổng Giám đốc Công ty.....	17
2.5. Ông Trần Xuân Nam – Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh HCM	18
2.6. Bà Hoàng Hải Anh – Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Nội	18
3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm	19
4. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng..	19
PHẦN VIII: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	20
1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT	20
2. Thành viên Ban Kiểm soát	21
3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn	22
3.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước:	22
3.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài:.....	23

PHẦN I: LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Lịch sử hình thành

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) được thành lập năm 2006 theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 26/UBCK- GPHĐCK do UBCKNN cấp ngày 19/12/2006 với các ngành nghề kinh doanh chính: Môi giới chứng khoán, Tư vấn tài chính & đầu tư chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Lưu ký chứng khoán, Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tên gọi	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
Tên giao dịch quốc tế	PetroVietnam Securities Inc.
Tên viết tắt	PSI
Địa chỉ	18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	(08) 3934 3888; Fax: (84-4) 3934 3999
Vốn điều lệ	509.250.000.000 (Năm trăm linh chín tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng)
Giấy chứng nhận ĐKKD	Số 0103014903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà nội cấp ngày 14/12/2006
GP hoạt động KDCK	Số 26/UBCK-GPHĐCK do UBCKNN cấp ngày 19/12/2006
GP thành lập CN TP.HCM	Số 268/QĐ-UBCK-GPHĐCK do UBCKNN cấp ngày 20/4/2007
GP thành lập CN Vũng Tàu	Số 916/QĐ-UBCK-GPHĐCK do UBCKNN cấp ngày 19/12/2009
GP thành lập CN Đà Nẵng	Số 915/QĐ-UBCK-GPHĐCK do UBCKNN cấp ngày 19/12/2009
GP thành lập CN Hà Nội	Số 780/QĐ-UBCK-GPHĐCK do UBCKNN cấp ngày 8/10/2010
GP thành lập CN Nghệ An	Số 1072/QĐ-UBCK-GPHĐCK do UBCKNN cấp ngày 17/12/2010
GP thành lập CN Nam Định	Số 826/QĐ-UBCK-GPHĐCK do UBCKNN cấp ngày 19/10/2010
GP thành lập CN Thanh Hóa	Số 1073/QĐ-UBCK-GPHĐCK do UBCKNN cấp ngày 17/12/2010
Mã số thuế	0102095561

2. Quá trình phát triển công ty

Ngày 07/02/2007	PSI đã chính thức khai trương hoạt động tại Hà Nội
Ngày 06/03/2007	PSI được công nhận là thành viên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Ngày 23/03/2007	PSI được công nhận là thành viên của Trung tâm giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
Ngày 30/09/2009	Ra mắt 7 gói sản phẩm mới và các dịch vụ hỗ trợ được xây dựng trên nền tảng công nghệ hiện đại của TongYang – Hàn Quốc
Ngày 13/06/2010	Tăng vốn Điều lệ của Công ty lên 485 tỷ đồng
Ngày 21/07/2010	Chứng khoán PSI chính thức niêm yết trên HNX.
Ngày 19/09/2010	PSI nhận giải thưởng thương hiệu nổi tiếng quốc gia.
Ngày 30/09/2010	Nhận Quyết định chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến của UBCKNN.
Tháng 10/2010	Tài khoản thứ 15.000 đã được mở tại Công ty chào mừng đại lễ 1.000 năm Thăng long Hà Nội. Tổng số Tài khoản chứng khoán được mở tại Công ty đến ngày 31/12/2010 là 16.521 tài khoản.
Ngày 27/10/2010	Tăng vốn điều lệ của Công ty lên 509,25 tỷ.

3. Định hướng phát triển

3.1. Quan điểm phát triển

❖ Tầm nhìn

Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí mong muốn trở thành Công ty Chứng khoán hàng đầu Việt Nam trong các lĩnh vực tư vấn, phân tích, và dịch vụ chứng khoán, là đối tác hàng đầu tại Việt Nam của các tổ chức tài chính quốc tế.

❖ Sứ mệnh

PSI cam kết thực hiện và triển khai hiệu quả chiến lược và kế hoạch kinh doanh trung và dài hạn nhằm bảo vệ và phát triển nguồn vốn – tài sản của Công ty đồng thời tạo ra những nguồn lợi nhuận tối ưu và bền vững cho tất cả các cổ đông.

- PSI cam kết là một định chế tài chính chuyên nghiệp và hướng đến vị trí hàng đầu về dịch vụ chứng khoán cho nhiều đối tượng khách hàng trên phạm vi toàn quốc.
- PSI cam kết triển khai các hoạt động kinh doanh hiệu quả đem lại những lợi ích thương mại, kinh tế dài hạn và thiết thực cho tất cả khách hàng – cùng với khách hàng xây dựng và tạo ra những tài sản bền vững.
- PSI cam kết thể hiện một nét văn hóa trân trọng và đáp ứng nhu cầu phát triển sự nghiệp lâu dài và quyền lợi chính đáng của tập thể nhân viên PSI.

❖ Quan điểm phát triển xuyên suốt

- Là một định chế tài chính trực thuộc PVFC và là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, PSI sẽ phải hỗ trợ tích cực cho định hướng phát triển của PVFC cũng như của PVN;
- Phát triển tương xứng với thương hiệu, tầm vóc của ngành Dầu khí, lấy ngành Dầu khí làm trọng tâm, từng bước cạnh tranh với các CTCK trong nước và vươn ra tầm khu vực;
- Tạo ra sự khác biệt giữa PSI và các CTCK khác thông qua:
 - ✓ Sự vượt trội về trình độ chuyên môn, chất lượng tư vấn, dịch vụ với đội ngũ chuyên gia hàng đầu trong ngành.
 - ✓ Là đầu mối triển khai các thương vụ lớn với các đơn vị trong ngành Dầu khí, gây tiếng vang cả ở trong và ngoài nước, xứng đáng thương hiệu ngành Dầu khí, từ đó sẽ đẩy mạnh dịch vụ ra ngoài ngành;
 - ✓ Là đối tác hàng đầu Việt Nam của các định chế tài chính lớn thế giới trong các thương vụ về đầu tư, tư vấn... tại Việt Nam.

3.2. Nguyên tắc phát triển

Với trách nhiệm của một đơn vị trực thuộc PVFC và là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, mọi hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí phải đảm bảo các yếu tố sau:

- Mọi hoạt động phải tuân thủ nghiêm chỉnh các chính sách của Đảng và Nhà nước, thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, các quy định của ngành chứng khoán.
- Định hướng phát triển của Công ty cần bám sát các mục tiêu phát triển của PVFC, kế hoạch kinh doanh được xây dựng phù hợp với chiến lược phát triển của PVFC và ngoài ra phải hỗ trợ được mục tiêu phát triển chung của Tập đoàn, đó là phát triển thành Tập đoàn Công nghiệp - Thương mại - Tài chính Dầu khí quan trọng, hoàn chỉnh, hoạt động trong và ngoài nước.
- Nâng cao tính chủ động và sáng tạo trong hoạt động kinh doanh, tận dụng thời cơ và khả năng sẵn có của Công ty để giữ vững và mở rộng việc chiếm lĩnh thị trường.

3.3. Quan điểm chiến lược

- Lấy Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam là trọng tâm.
- Lấy dịch vụ làm nền tảng bền vững, là yếu tố quyết định sự khác biệt so với các CTCK khác.
- Lấy đầu tư để tăng tốc phát triển khi có điều kiện.
- Lấy thị trường phía Nam là mục tiêu, đầu tư phát triển chi nhánh TP HCM thành đầu tàu phát triển dịch vụ đặc biệt là mảng dịch vụ kinh doanh chứng khoán.
- Lấy nhân tố con người làm hạt nhân, coi con người là tài sản quý nhất của Doanh nghiệp. Công ty sẽ phát triển theo mô hình "learning organization".
- Học tập nâng cao trình độ chuyên môn cần được khuyến khích. Công ty sẽ cố gắng xây dựng một văn hoá học trong hệ thống PSI.
- Lấy công nghệ thông tin là công cụ quan trọng, là xương sống trong hoạt động của Công ty.

3.4. Mục tiêu

❖ Năm 2010: Ổn định cơ cấu tổ chức

Trong 6 tháng đầu năm 2010, tiếp tục ổn định, hoàn thiện cơ cấu tổ chức làm tiền đề cho việc thực hiện các mục tiêu chiến lược trong giai đoạn mở rộng tiếp theo. Mục tiêu cụ thể của việc ổn định cơ cấu tổ chức là:

- Giải quyết triệt để những tồn tại về mặt tổ chức, nhân sự, và dần kiện toàn hoạt động tài chính.
- Rà soát, ban hành bổ sung các văn bản, quy trình, xây dựng, điều chỉnh các cơ chế, chính sách phù hợp với các quy định của pháp luật, tạo hành lang pháp lý chắc chắn và động lực để đưa Công ty từng bước ổn định.
- Tiếp tục quan tâm tăng cường chất lượng hoạt động phân tích, đa dạng hóa nội dung, hình thức của các báo cáo phân tích.
- Kiện toàn tổ chức Ban tư vấn, đảm bảo năng lực triển khai đầy đủ các loại hình tư vấn tài chính với chất lượng cao, giành được những hợp đồng tư vấn lớn để có thể triển khai trong giai đoạn tiếp theo.
- Xây dựng một danh mục đầu tư hiệu quả, tạo cơ sở tài chính vững chắc cho những năm tiếp theo.
- Hoàn thiện, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin với mục tiêu hệ thống công nghệ thông tin của PSI phải được biết đến như một hệ thống công nghệ nổi trội, có khả năng thích ứng các nghiệp vụ phức tạp, có tính cạnh tranh cao trên thị trường.
- Tiếp tục công việc xây dựng mối quan hệ hợp tác với các định chế tài chính lớn và các đơn vị trong ngành, đưa những đơn vị này thành khách hàng thân thiết của PSI.

❖ Giai đoạn 2010 đến 2012: Mở rộng hoạt động

Dựa trên nền tảng đã xây dựng được của năm 2010, trong hai năm 2011 và 2012, PSI khẳng định uy tín đối với PVFC cũng như với Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong ngành Dầu khí thông qua việc cung cấp các dịch vụ tư vấn đạt chất lượng cao nhất, cạnh tranh trên thị trường, định hướng đẩy mạnh hoạt động ra bên ngoài. Cụ thể kết thúc giai đoạn này, PSI phải đạt được:

- Nâng cao uy tín đối với Tập đoàn và cả thị trường tài chính.
- Là một trong số những Công ty Chứng khoán có hoạt động phân tích mạnh nhất trên thị trường, có các sản phẩm phân tích uy tín và được các nhà đầu tư nước ngoài tìm kiếm khi đầu tư vào Việt Nam.
- Là Công ty môi giới chứng khoán có sản phẩm, dịch vụ cạnh tranh trên thị trường. Đưa thị phần môi giới cổ phiếu trong nhóm Top 15 trên thị trường ngay trong năm 2010.
- Là Công ty chứng khoán có khả năng cung cấp trọn gói các dịch vụ tư vấn tài chính. Đã tư vấn thành công tối thiểu 2 thương vụ IPO lớn tầm cỡ khu vực, gây tiếng vang lớn trên thị trường tài chính Việt

Nam. Lọt vào Top 5 các Công ty Chứng khoán có thị phần tư vấn và các dịch vụ tài chính lớn nhất thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2010.

- Chia cổ tức hàng năm cho cổ đông đạt 10%/năm và tăng dần theo các năm.

❖ **Giai đoạn 2013 đến 2015: Khẳng định vị thế**

Đây là giai đoạn Công ty khẳng định vị thế của mình trên thị trường với mục tiêu:

- Là một trong những Công ty Chứng khoán uy tín nhất tại Việt Nam, là đối tác tốt nhất của các nhà đầu tư quốc tế tại Việt Nam.
- Là Công ty môi giới trong nhóm dẫn đầu thị trường về thị phần và chất lượng dịch vụ.
- Là Công ty chứng khoán có uy tín hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực tư vấn. Công ty luôn có tên trong Danh sách các nhà tư vấn được mời tham gia các thương vụ tư vấn lớn tại Việt Nam, là đối tác hàng đầu tại Việt Nam cho các tổ chức tài chính quốc tế. Giành ít nhất một giải thưởng uy tín trên thế giới (VD: Best Equity House in Vietnam do Euromoney hoặc Finance Asia trao tặng).
- Là tổ chức phân tích hàng đầu Việt Nam. Có lực lượng phân tích đủ lớn để phân tích được tất cả các ngành và doanh nghiệp trọng yếu của nền kinh tế. Có tiếng nói trong các diễn đàn đầu tư tại Việt Nam và khu vực.
- Là Công ty niềm yết dẫn đầu về hiệu quả hoạt động.
- Xây dựng được môi trường làm việc thật sự chuyên nghiệp, là Công ty mà các nhân sự giỏi trên thị trường mong muốn được làm việc.
- Là Công ty mang lại các giá trị gia tăng và uy tín cho các khách hàng khi khách hàng có nhu cầu.

PHẦN II: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010

Năm 2010 chứng kiến nhiều biến động thiếu tích cực của nền kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam: khủng hoảng nợ Châu Âu, kinh tế thế giới phục hồi chậm, lạm phát, tỷ giá của Việt Nam vẫn căng thẳng, tăng trưởng kinh tế Việt Nam chỉ đạt 6,78%, thấp hơn mức tăng trưởng trung bình GDP 10 năm qua khoảng 7.2%. Với những biến động vĩ mô thiếu tích cực như vậy, thị trường chứng khoán đã có sự điều chỉnh từ mức 494,77 điểm của ngày 31/12/2009 xuống còn 478,75 điểm ngày 29/12/2010, sau khi giảm xuống mức thấp nhất là 420 điểm tháng 8/2010 và tháng 11/2010.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành Công ty tập trung, quyết liệt đổi mới, tập trung vào các lợi thế của Công ty, cơ cấu lại bộ máy tổ chức nhân sự, xây dựng lại cơ chế lương thưởng, đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ thông tin. Nhờ vậy kết quả kinh doanh của Công ty năm 2010 đã vượt qua ảnh hưởng tiêu cực của thị trường và có sự tăng trưởng mạnh mẽ, cụ thể:

STT	Khoản mục	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	% Thực hiện/kế hoạch
I.	Tổng Doanh thu	177.97	258.656	145%
1	Môi giới chứng khoán	42.16	28.247	67%
2	Đầu tư chứng khoán, góp vốn	66.34	82.343	124%
3	Tư vấn và Bảo lãnh phát hành	6.05	24.131	399%
4	Lưu ký và Quản lý cổ đông	1.50	4.635	309%
5	Hoạt động khác	61.92	119.3	193%
II.	Chi phí	107	172.981	162%
III.	Lợi nhuận trước thuế	70.97	85.675	121%

2. Tình hình hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2010

Trong năm 2010, dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty, Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty đã thực hiện nghiêm túc và thành công các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty.

Các thành viên HĐQT tại Công ty đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban điều hành.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành kinh doanh, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT.
- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành.
- Các thành viên HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ trong Công ty thực hiện công tác quản lý, giám sát qua các chế độ kiểm tra, báo cáo, các buổi họp và làm việc với Ban điều hành cũng như tại các phiên họp HĐQT.

Trong năm 2010, HĐQT đã tổ chức họp định kỳ để nghiên cứu, đánh giá và đưa ra các chỉ đạo hoạt động theo quy định và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện công tác quản lý và kinh doanh thường kỳ của Công ty, cụ thể:

- Xây dựng lại chiến lược phát triển Công ty trong giai đoạn 2009 – 2015.
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh chi tiết và các biện pháp triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2010.
- Hoàn thiện cơ cấu, bộ máy tổ chức cho phù hợp với môi trường kinh doanh năm 2010 với mục tiêu gọn nhẹ, hiệu quả.
- Hoàn thiện cơ chế trả lương, trả thưởng đảm bảo tính cạnh tranh và gắn thu nhập của người lao động với hiệu quả hoạt động.
- Đầu tư mạnh mẽ cho hạ tầng công nghệ thông tin, đáp ứng các yêu cầu về giao dịch trực tuyến, quản lý cổ đông, hỗ trợ các yêu cầu, giải đáp các thắc mắc kịp thời của khách hàng.
- Triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000:2008.
- Phát triển hệ thống mạng lưới các Chi nhánh và phòng giao dịch.
- Chủ động phối hợp tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát đối với hoạt động kinh doanh (cụ thể là hoạt động đầu tư, môi giới và mua bán kỳ hạn chứng khoán) và công tác quản lý của Công ty; tổ chức nghiên cứu, trao đổi thông tin. Thông qua các đợt kiểm tra giám sát, HĐQT đã nêu ra các hạn chế, thiếu sót đang tồn tại đối với hoạt động kinh doanh của Công ty, chỉ đạo quyết liệt công tác rà soát hoạt động quản lý và kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các giải pháp khắc phục cụ thể và yêu cầu Tổng Giám đốc (TGD) tổ chức triển khai thực hiện và bước đầu đã có một số kết quả nhất định.
- Đối với các vấn đề cần ý kiến chỉ đạo gấp, HĐQT đã tổ chức lấy ý kiến các Ủy viên bằng văn bản để kịp thời giải quyết ngay công việc thuộc thẩm quyền và xử lý các đề xuất, kiến nghị của Ban TGD. HĐQT cũng đã chủ động có các chỉ đạo bằng văn bản gửi TGD và các bộ phận liên quan để chấn chỉnh, định hướng công tác quản lý, hoạt động kinh doanh và chế độ cung cấp các thông tin phục vụ kịp thời cho công tác quản trị, chỉ đạo điều hành của HĐQT theo đúng quy định của pháp luật.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2010

3.1. Về công nghệ:

Công ty đã nâng cấp phần mềm chứng khoán, kiểm tra để sẵn sàng đưa ra các dịch vụ mới như Giao dịch Upcom, các phân hệ phần mềm hỗ trợ nhà đầu tư vào hoạt động trong những tuần đầu của năm 2011. Đặc biệt, PSI và TongYang đã ký thỏa thuận đảm bảo PSI sẽ là một trong những Công ty chứng khoán đầu tiên triển khai dịch vụ giao dịch chứng khoán qua Mobile của TongYang.

3.2. Về phát triển mạng lưới:

Hệ thống mạng lưới các chi nhánh, phòng giao dịch được mở rộng và quản lý điều hành có hiệu quả tạo đà cho việc nâng cao thị phần môi giới chứng khoán, khuếch trương thương hiệu và hình ảnh của Công ty. Trong năm 2010, Công ty đã thành lập mới 04 chi nhánh tại Hà Nội, Nam Định, Nghệ An, Thanh Hóa. Bên cạnh 03 chi nhánh cũ là TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Đà Nẵng tổng số chi nhánh của Công ty Hiện tại là 07 chi nhánh đưa PSI thành một trong số các Công ty chứng khoán có hệ thống chi nhánh và phòng giao dịch lớn nhất Việt Nam. Song song với việc thành lập chi nhánh, Công ty duy trì các hoạt động PR, quảng cáo, xây dựng và phát triển thương hiệu.

3.3. Về hoạt động kiểm soát rủi ro:

Công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro tiếp tục được tăng cường. Trong giai đoạn vừa qua, khi thị trường có những biến động mạnh và thất thường Công ty đã tiến hành nâng cấp hệ thống phần mềm, hỗ trợ kiểm soát từ xa, kiểm soát "real time", rà soát, cập nhật các quy trình nghiệp vụ, đào tạo, cập nhật kiến thức cho cán bộ nhân viên để tăng cường công tác quản trị và kiểm soát rủi ro.

4. Triển vọng về kế hoạch năm 2011

Hiện tại, các phân tích, dự báo nhận định kinh tế Việt Nam năm 2011 sẽ tiếp tục tăng trưởng và khả năng hồi phục của thị trường chứng khoán được đánh giá cao nhưng áp lực từ sự gia tăng nguồn cung cũng sẽ khiến thị trường khó có những chuyển biến tích cực. Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp có thể duy trì mức khá, nhưng hiện tượng pha loãng sẽ diễn ra mạnh mẽ. Do vậy, kế hoạch kinh doanh năm 2011 được xây dựng với một mức độ thận trọng nhất định trước các khó khăn của nền kinh tế. Định hướng kế hoạch kinh doanh của Công ty trong năm 2011 như sau:

- Tổng doanh thu 351,7 tỷ, đạt 136% so với kết quả doanh thu năm 2010.
- Lợi nhuận trước thuế 101,4 tỷ đồng, đạt 118% so với mức lợi nhuận năm 2010.
- Nộp ngân sách 25,35 tỷ đồng.
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ trung bình trong năm đạt 13,03%; Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 12,70%; ROE bình quân đạt 11,21%.
- Tỷ lệ chia cổ tức tối thiểu 10%.

PHẦN III: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	Tại ngày 01/01/2010	Tại ngày 31/12/2010
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,53	1,46
- Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,53	1,46
- Hệ số thanh toán tức thời (lần)	1,26	1,17
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số LN sau thuế/DT thuần	1,56%	25,10%
- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	0,23%	3,81%
- Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ SH	0,58%	10,86%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay tổng tài sản (lần)	0,17	0,19
- Vòng quay các khoản phải thu (lần)	1,06	1,06
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	93,70%	94,71%
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	6,30%	5,29%
Chỉ tiêu đòn bẩy		
- Đòn bẩy tài chính (lần)	2,58	2,85
- Hệ số tự chủ tài chính (lần)	0,39	0,35
- Hệ số Nợ/Vốn chủ SH (lần)	1,58	1,85
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,61	0,65
Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần		
- Số lượng CP lưu hành (cổ phiếu)	50.925.000	39.725.000
- Thu nhập trên mỗi cổ phần (VND)	78,30	1.418,47
- Giá trị sổ sách của cổ phần (VND)	10.617,73	11.743,53

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2010 là 1.706 tỷ đồng, tăng 57% so với 31/12/2009, trong đó tài sản ngắn hạn là 1.615 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 94.71%, tài sản dài hạn là 90 tỷ đồng, chiếm 5.29%.

Xét về cơ cấu nguồn vốn, vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2010 là 598 tỷ đồng, nợ phải trả là 1.107 tỷ đồng. Hệ số tự chủ tài chính (Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn) đạt 35%, không thay đổi nhiều so với năm 2009.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2010 là 50.925.000 cổ phần tương ứng với vốn điều lệ 509.250.000.000 đồng, tăng 11.200.000 cổ phần (tương ứng 112 tỷ đồng) so với năm 2009. Tại thời điểm 31/12/2010, cổ phần của Công ty bao gồm 32.720.891 cổ phiếu phổ thông (chiếm 64%) và 18.204.109 cổ phiếu ưu đãi (chiếm 36%). Công ty không có cổ phiếu quỹ và trái phiếu chuyển đổi.

Giá trị sổ sách/cổ phần tại thời điểm 31/12/2010 là 11.744, tăng 11% so với tại thời điểm 31/12/2009 (10.618 đồng).

Các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán không thay đổi nhiều so với năm 2009 và đang ở mức an toàn so với các Công ty chứng khoán khác trong ngành.

Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời của Công ty năm 2010 tăng mạnh so với năm 2009: tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt 25,10% (năm 2009 là 1,56%), tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản đạt 3,81% (năm 2009 là 0,23%), tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu đạt 10,86% (năm 2009 là 0,58%).

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010

STT	Khoản mục	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	% Thực hiện/ Kế hoạch	Thực hiện năm 2009	% Thực hiện 2010/ Thực hiện 2009
I.	Tổng Doanh thu	177.970	258.656	145%	157.090	165%
1	Môi giới chứng khoán	42.160	28.247	67%	10.230	276%
2	Đầu tư chứng khoán, góp vốn	66.340	82.343	124%	81.699	101%
3	Tư vấn & Bảo lãnh phát hành	6.050	24.131	399%	2.329	1036%
4	Lưu ký và QLCĐ	1.500	4.635	309%	1.278	363%
5	Hoạt động khác	61.920	119.300	193%	61.554	194%
II.	Chi phí	107.000	172.981	162%	154.640	112%
III.	Lợi nhuận trước thuế	70.970	85.675	121%	2.450	3497%

❖ Doanh thu

- Tổng Doanh thu của Công ty trong năm 2010 là 258.656 tỷ đồng, đạt 145% kế hoạch.
- Ngoại trừ hoạt động môi giới chứng khoán bị ảnh hưởng nặng nề của thị trường nên chỉ đạt 28,247 tỷ đồng, hoàn thành 67% kế hoạch doanh thu đặt ra từ đầu năm được xây dựng trên những nhận định khá khả quan về thị trường, tất cả các hoạt động khác của Công ty đều có sự tăng trưởng mạnh về doanh thu.
- Doanh thu Tư vấn và Bảo lãnh phát hành đạt 24,131 tỷ, cao hơn 4 lần kế hoạch đặt ra và cao hơn 10 lần mức doanh thu năm 2009.
- Hoạt động Lưu ký và Quản lý cổ đông cũng có mức tăng trưởng cao, doanh thu đạt 4,635 tỷ, cao hơn 3 lần kế hoạch và hơn 3,5 lần con số doanh thu của năm 2009.
- Bất chấp sự sụt giảm của thị trường, Công ty vẫn hoàn thành vượt mức doanh thu từ các hoạt động dịch vụ tài chính khác. Doanh thu dịch vụ tài chính đạt 119,3 tỷ, hoàn thành 193% kế hoạch bằng 194% kết quả của năm 2009.
- Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn đạt 82,343 tỷ, đạt 124% kế hoạch và bằng 101% kết quả của năm 2009.

❖ Chi phí

- Tổng chi phí của Công ty trong năm 2010 là 172,981 tỷ đồng, vượt 62% kế hoạch chi phí. Chi phí tăng chủ yếu do chi phí trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán, lỗ kinh doanh chứng khoán và các chi phí tài chính.
- Bên cạnh đó, trong năm 2010 Công ty cũng đã tăng chi phí đầu tư hạ tầng, trang bị máy móc thiết bị, công nghệ phục vụ việc phát triển mạng lưới, mở rộng hoạt động của Công ty với mục tiêu lấy năm 2010 làm năm bản lề, tạo đà cho các sự phát triển của Công ty cho các năm tới.

❖ Lợi nhuận

- Tổng lợi nhuận của Công ty trong năm 2010 là 85,675 tỷ đồng, đạt 121% kế hoạch. Và nếu so với con số lợi nhuận rất khiêm tốn của năm 2009 là 2,450 tỷ đồng và bối cảnh rất không thuận lợi của thị trường chứng khoán năm 2010 thì con số lợi nhuận của Công ty năm 2010 là một con số ấn tượng so với các Công ty chứng khoán khác.

- Với kết quả lợi nhuận như trên chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) của Công ty trong năm 2010 là 10,86%. Chỉ số ROE của PSI xấp xỉ mức ROE dự kiến năm 2010 của các Công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 500 tỷ và của các Công ty trong ngành Dầu khí hoạt động trong lĩnh vực tài chính (ROE khoảng 10%).
- Chỉ số lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ tính tại thời điểm 31/12/2010 là 12,62%.

3. Những biện pháp đã thực hiện

- Công ty đã xây dựng một chiến lược kinh doanh hợp lý.
- Công ty đã khai thác triệt để các lợi thế của mình như: tận dụng thị trường rộng lớn của ngành Dầu khí, khai thác hiệu quả nguồn thông tin của ngành và sử dụng hiệu quả thương hiệu Dầu khí.
- Các hoạt động đầu tư vào công nghệ, nhân lực, ổn định bộ máy tổ chức PSI đã thực sự phát huy hiệu quả.
- Công ty đã xây dựng thành công văn hóa doanh nghiệp, cải thiện chế độ lương thưởng, đánh giá kết quả công việc tăng động lực và gắn hiệu quả công việc của từng cá nhân, đơn vị với thu nhập. Mỗi thành viên của PSI đều gắn bó với Công ty với ngành Dầu khí, làm việc với tinh thần hăng say và trách nhiệm cao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Thực hiện tăng vốn điều lệ lên 598 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược để phục vụ mục tiêu mở rộng hoạt động kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và tăng năng lực bảo lãnh phát hành.
- Phát triển hoạt động tư vấn cả bề rộng lẫn bề sâu, đáp ứng các yêu cầu tái cấu trúc của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt nam, hướng hoạt động tư vấn ra các đơn vị ngoài ngành, khẳng định vị trí top 3 các công ty chứng khoán có hoạt động tư vấn mạnh nhất.
- Tiếp tục phát triển hoạt động môi giới chứng khoán, lọt vào top 15 các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch chứng khoán cao nhất và hướng tới top 10.
- Phát triển mới hơn 8.000 tài khoản chứng khoán.
- Tiếp tục tập trung hoàn thiện hạ tầng công nghệ, nâng cao chất lượng nhân sự, cải thiện cơ bản về chất lượng các dịch vụ, phát triển mạng lưới các Phòng giao dịch và chi nhánh để mở rộng hoạt động và nâng cao vị thế của Công ty.

4.1. Kế hoạch hoạt động chi tiết theo từng hoạt động kinh doanh

4.1.1. Môi giới chứng khoán

Quyết liệt đẩy mạnh hoạt động môi giới nhằm tăng thị phần môi giới của PSI trên TTCK thông qua các biện pháp:

- Đẩy mạnh hình thức môi giới phát triển khách hàng. Thiết lập môi trường làm việc với các chính sách, điều kiện làm việc cạnh tranh để thu hút các nhà môi giới chuyên nghiệp về “đầu quân” cho PSI.
- Phối hợp với công nghệ thông tin để đưa hệ thống Mobile Trading vào vận hành, cung cấp thêm các dịch vụ gia tăng cho nhà đầu tư để thúc đẩy doanh thu môi giới và cả doanh thu dịch vụ tài chính.
- Cùng với PVFC tiếp tục mở rộng mạng lưới phân phối bên cạnh việc củng cố hệ thống phòng giao dịch hiện có.
- Hình thành hệ thống chăm sóc khách hàng qua Contact Center.

4.1.2. Dịch vụ chứng khoán

- Đưa dịch vụ Margin vào khai thác. Xây dựng các sản phẩm mới cho nhà đầu tư đặc biệt là sản phẩm hợp tác đầu tư chứng khoán và vận hành sản phẩm giao dịch kỳ quỹ, sản phẩm phái sinh khi được phép triển khai. Quản lý các sản phẩm này bằng các phần mềm và phân hệ phần mềm chuyên dụng.
- Phối hợp với các định chế tài chính phát triển các sản phẩm tài chính mới cho nhà đầu tư.
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro toàn hệ thống.
- Đẩy mạnh việc mở rộng mạng lưới thông qua việc hợp tác với các đơn vị trong ngành, hướng tới mô hình bán chéo sản phẩm vì lợi ích của từng đơn vị và lợi ích chung của cả Tập đoàn.

4.1.3. Lưu ký và quản lý cổ đông

- Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động quản lý cổ đông cho các đơn vị trong ngành để gia tăng nhanh chóng số tài khoản chứng khoán giao dịch tại Công ty khi các đơn vị này niêm yết.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ quản lý sổ cổ đông thông qua việc đào tạo nghiệp vụ cho các cán bộ. Bổ sung thêm cán bộ cho nghiệp vụ này.
- Nâng cấp phần mềm Quản lý sổ cổ đông.
- Liên tục hoàn thiện quy trình Quản lý sổ cổ đông.
- Tiếp tục duy trì các hợp đồng dịch vụ Quản lý sổ cổ đông đã ký kết với khách hàng.
- Song hành với bộ phận Tư vấn tìm kiếm các hợp đồng Quản lý sổ cổ đông ký mới bên cạnh các hợp đồng Tư vấn tài chính doanh nghiệp.

4.1.4. Hoạt động tư vấn và bảo lãnh phát hành

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các hợp đồng tư vấn niêm yết và phát hành tăng vốn đã ký với các đơn vị trong ngành.
- Xúc tiến ký kết thêm các hợp đồng tư vấn trong và ngoài ngành.
- Tiếp tục triển khai nghiệp vụ bảo lãnh phát hành.
- Phối hợp với PVFC đảm bảo đáp ứng các nhu cầu về tư vấn tài chính doanh nghiệp của các đơn vị trong ngành. Tổ chức Roadshow giới thiệu niêm yết cổ phiếu của các Công ty do PSI tư vấn sẽ niêm yết trong thời gian tới.
- Tích cực tham gia Tổ Phát hành Trái phiếu Quốc tế của PVN góp phần vào sự thành công của đợt phát hành này nhằm gây tiếng vang và tạo dựng uy tín cho PSI.

4.1.5. Hoạt động đầu tư tài chính

- Ngay khi Công ty hoàn thành thủ tục tăng vốn điều lệ sẽ đẩy mạnh giải ngân vào đầu tư cổ phiếu OTC, ưu tiên các cổ phiếu của các Công ty trong ngành Dầu khí mà Công ty thực hiện các nghiệp vụ tư vấn tài chính và đặc biệt tập trung vào việc đầu tư với tư cách cổ đông chiến lược đối với các doanh nghiệp trong ngành.
- Riêng với đầu tư cổ phiếu niêm yết, PSI sẽ tiếp tục chiến lược đầu tư thận trọng trong năm 2011.

4.2. Kế hoạch hoạt động chi tiết đối với các hoạt động quản lý, hỗ trợ kinh doanh

4.2.1. Hoạt động tài chính kế toán

- Thực hiện tốt công tác lập kế hoạch tài chính, đa dạng hóa các kênh huy động, kiểm soát dòng tiền.
- Phối hợp với các Ban chức năng để quản lý chặt chẽ tình hình sử dụng nguồn vốn cho hoạt động dịch vụ tài chính trên nguyên tắc đảm bảo thanh khoản và thời hạn.
- Nâng cao chất lượng các báo cáo kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị đáp ứng các yêu cầu và tiêu chuẩn của một công ty niêm yết. Xây dựng các báo cáo quản trị trong đó hạch toán tách bạch

doanh thu, chi phí theo từng loại hình kinh doanh của Công ty phục vụ công tác quản lý, đánh giá hiệu quả của từng hoạt động.

- Hoàn thiện hệ thống tài khoản kế toán áp dụng đồng nhất trên toàn hệ thống, các chỉ số đánh giá, quản lý năng lực tài chính, dư nợ, các khoản repo hợp tác đầu tư của Công ty để kiểm soát rủi ro toàn hệ thống;
- Đào tạo, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ cho toàn bộ đội ngũ cán bộ kế toán làm việc tại Hội sở và các chi nhánh, phòng giao dịch của Công ty.

4.2.2. Hoạt động phân tích

- Nâng cao chất lượng các bản tin chứng khoán ngày, tuần, quý, năm. Tiếp tục tạo dựng vị thế là một đơn vị phân tích hàng đầu trong số các công ty chứng khoán.
- Xây dựng và nâng cao chất lượng các báo cáo phân tích và báo cáo đầu tư, tập trung trước mắt vào các doanh nghiệp Dầu khí. Là đơn vị cung cấp thông tin cho nhà đầu tư khi muốn đầu tư vào ngành Dầu khí. Phát hành báo cáo phân tích với chất lượng cao về tất cả các Công ty trong ngành đã niêm yết trên các Sàn giao dịch chứng khoán.
- Thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo cho nhà đầu tư về các mã cổ phiếu trong ngành Dầu khí.
- Tham gia cung cấp thông tin về TTCK Việt Nam cho các hãng tin thế giới như Bloomberg, Reuters nhằm từng bước trở thành một phần trong cầu nối giữa các doanh nghiệp PVN với thị trường vốn quốc tế. Có các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp PVN với thị trường vốn trong nước và quốc tế.

4.2.3. Hoạt động hành chính – nhân sự và phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quy chế tuyển dụng, quy trình đào tạo, đánh giá công việc, luân chuyển, đề bạt cán bộ, quy chế lương thưởng, quy chế đánh giá công việc đảm bảo gắn thu nhập với hiệu quả công việc, tăng động lực và sự cam kết, gắn bó của người lao động với Công ty.
- Thực hiện phát triển nguồn nhân lực với xây dựng văn hóa PSI, văn hóa ngành Dầu khí.

4.2.4. Hoạt động quản lý nghiệp vụ, pháp chế, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ

- Nghiên cứu triển khai dịch vụ Hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết với các định chế tài chính trong Ngành như PVFC; PVI; Ocean Bank.
- Tiếp tục đẩy mạnh mảng quản trị hệ thống, tích cực phối hợp với Ban Công nghệ Thông tin và đối tác TongYang HPT để triển khai đưa các sản phẩm hỗ trợ vốn theo tiêu chuẩn quốc tế như Margin, tập trung xây dựng lại sản phẩm quản trị remisier trên BOS, phân hệ chuyển tiền trực tuyến, chuyển tiền qua điện thoại sao cho phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của PSI.
- Đảm bảo sự thích nghi và linh hoạt trước mọi sự thay đổi của thị trường, thực hiện chặt chẽ công tác kiểm soát bằng cách định kỳ hàng tháng sàng lọc dữ liệu giao dịch để đánh giá lại thực trạng giá trị phí đã đóng cho PSI đối với từng khách hàng, qua đó nâng cao chất lượng phục vụ và dịch vụ chăm sóc tới những khách hàng tiềm năng.
- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa Kiểm soát nội bộ và Ban Kiểm soát Công ty, chú trọng kiểm tra các nghiệp vụ kinh doanh, hoạt động Hợp tác đầu tư để cảnh báo và ngăn ngừa những rủi ro tiềm tàng, trọng yếu ảnh hưởng đến uy tín và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Đào tạo nghiệp vụ cho các nhân sự thực hiện công tác giám sát và quản trị rủi ro trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán.
- Phối hợp với các đơn vị khác trong việc theo dõi và xử lý theo thẩm quyền về các khiếu nại của cổ đông và khách hàng, làm việc với tư vấn ISO trong công tác đào tạo và hoàn thiện các khuyến nghị đánh giá nội bộ trong Quý IV năm 2010.

4.2.5. Hoạt động công nghệ thông tin

- Phối hợp với Ban Quản lý Nghiệp vụ và các chi nhánh, phòng giao dịch cùng phía đối tác TongYang HPT để đưa ra các dịch vụ tiện ích cho nhà đầu tư, đặc biệt dịch vụ Mobile Trading nhưng vẫn đảm bảo tính an toàn, ổn định và bảo mật cao.
- Duy trì đều đặn công tác bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng công nghệ hiện tại. Thiết lập hạ tầng Công nghệ thông tin cho các Chi nhánh mới. Đầu tư hệ thống các thiết bị an ninh mạng, lưu trữ đảm bảo sự an toàn và ổn định của hệ thống.
- Thiết lập đường truyền dự phòng băng thông rộng, tốc độ cao, có chế độ chạy dự phòng cho nhau từ 11 Trần Hưng Đạo tới Hội sở.
- Hoàn thiện, nâng cấp Phần mềm Quản lý sổ cổ đông, Hoàn thiện hệ thống Contact Center, tổng đài IP phone với các tính năng: Call Manager, IVR, Ghi âm, CRM, KB... đẩy mạnh các tính năng SMS như gửi tin nhắn, truy vấn dữ liệu qua SMS.
- Theo dõi, khai thác vận hành phần mềm core giao dịch chứng khoán TongYang đảm bảo khắc phục kịp thời mọi sự cố kỹ thuật, triển khai thử nghiệm và áp dụng một số phân hệ mới như giao dịch UPCOM.

4.2.6. Hoạt động phát triển mạng lưới và thương hiệu

- Trong Quý I năm 2011, hoàn thiện các thủ tục cần thiết để đưa chi nhánh Hải Phòng vào hoạt động, phát triển thêm hệ thống phòng giao dịch tại các chi nhánh lớn như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu và Đà Nẵng. Nghiên cứu phương án xây dựng chi nhánh hoặc trung tâm hỗ trợ khách hàng tại một số tỉnh thành phố, trung tâm kinh tế lớn như Cần thơ, Nha Trang.
- Với mục tiêu chi nhánh là cánh tay nối dài của Hội sở tại các địa bàn, Công ty sẽ thường xuyên nâng cấp và chuẩn hóa hệ thống phòng giao dịch của Công ty trên địa bàn cả nước, đưa các chương trình hội thảo, "Road show" đến tận các chi nhánh.
- Cùng với việc mở rộng mạng lưới Công ty cũng tăng cường công tác marketing và PR để khuếch trương hình ảnh, thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư thông qua các chương trình tặng quà khách hàng VIP, hỗ trợ phí giao dịch, cung cấp các bản tin phân tích chuyên biệt...
- Trong năm 2011 Công ty sẽ tăng cường tần suất và duy trì sự xuất hiện đều đặn và có chọn lọc trên các phương tiện thông tin đại chúng mà các nhà đầu tư quan tâm; tham gia các diễn đàn, các cuộc tọa đàm, chương trình phỏng vấn, nhận định thị trường...

PHẦN IV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán

Bảng cân đối kế toán 31/12/2010:	(Xem Phụ lục 01 gửi kèm)
Báo cáo kết quả kinh doanh 2010:	(Xem Phụ lục 02 gửi kèm)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 31/12/2010:	(Xem Phụ lục 03 gửi kèm)
Thuyết minh báo cáo tài chính 2010:	(Xem phụ lục 04 gửi kèm)

PHẦN V: GIẢI TRÌNH BÁO CÁO KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Kiểm toán độc lập

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

2. Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

3. Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý tới Thuyết minh số 24 - "Số liệu so sánh" của phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh của Công ty tại ngày 31/12/2008 được trích lập dựa trên giá ước tính có thể giao dịch được. Nếu Công ty ghi nhận khoản dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh theo các quy định hiện hành tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008, lợi nhuận trước thuế của năm 2008 sẽ giảm đi 91.020.634.400 đồng và lợi nhuận trước thuế của năm 2009 (số liệu so sánh) sẽ tăng lên một khoản tương ứng.

PHẦN VI: CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

- | | |
|--|-------------------------|
| 1. Tình hình đầu tư các Công ty có liên quan | (Xem Phụ lục 5 gửi kèm) |
| 2. Tình hình tài chính các Công ty có liên quan: | Không có |

PHẦN VII: TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức công ty

(Xem Phụ lục 6 gửi kèm)

2. Tóm tắt lý lịch cá nhân trong Ban Điều hành

2.1. Ông Bùi Ngọc Thắng – Chủ tịch HĐQT Công ty

Lý lịch trích ngang

Họ và tên	Bùi Ngọc Thắng
Giới tính	Nam
Dân tộc	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam
CMND số	011 772 173 cấp ngày 23/07/2007 tại Hà Nội
Nơi đăng ký HKTT	66 Phố Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, HN
Trình độ văn hoá	12/12

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn

1986 - 1990 Cử nhân Kinh tế lao động, Trường ĐHKT Quốc dân HN
 1990 - 1991 CC bồi dưỡng, XNK Trường ĐHNT
 1988 - 1991 CC tiếng Anh, Trường ĐHNN

Quá trình công tác

1991 - 1992 Chuyên viên, Công ty Vận tải biển và XNK (Seaproship) Hà Nội
 1992 - 2006 Phó phòng Khí và sản phẩm từ khí, Ban Thương mại thị trường, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam
 2006 - 04/2009 Phó Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam
 05/2009 - 10/2009 Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
 11/2009 - nay Chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

2.2. Ông Phạm Quang Huy – Tổng Giám đốc Công ty

Lý lịch trích ngang

Họ và tên: Phạm Quang Huy
 Giới tính: Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quốc tịch: Việt Nam
 CMND số: 011 775 415 cấp ngày 10/01/2001 tại Hà Nội
 Nơi đăng ký HKTT Số 52, Ngõ 34, Phố Phương Mai, Đống Đa, HN
 Trình độ văn hoá 12/12
 Trình độ chuyên môn Thạc sỹ QTKD chuyên ngành tài chính

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn

09/1991 - 07/1995 Cử nhân Tài chính Ngân hàng Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
 08/2004 - 07/2006 Thạc sỹ QTKD (MBA in Finance), Kent State University, Graduate School of Management

Quá trình công tác

07/1995 - 11/1999 Chuyên viên phòng Đầu tư, Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam
 11/1999 - 06/2000 Phụ trách phòng Nghiệp vụ, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
 07/2000 - 10/2002 Trưởng phòng Tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
 11/2002 - 09/2003 Trưởng phòng Môi giới, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
 10/2003 - 05/2009 Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
 06/2009 - 10/2009 Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
 11/2009 - nay Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

2.3. Ông Trần Hùng Dũng – Phó Tổng Giám đốc Công ty**Lý lịch trích ngang**

Họ và tên:	Trần Hùng Dũng
Giới tính:	Nam
Dân tộc:	Kinh
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND số:	010451465 cấp ngày 01/10/1998 tại Hà Nội
Nơi đăng ký HKTT	Số nhà 20, ngách 4/15, ngõ 4 Phố Phương Mai, Q. Đống Đa, HN
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Tiến sỹ Kinh tế

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn

1975 - 1979	Cử nhân Kế hoạch hóa kinh tế quốc dân, Đại học kinh tế quốc dân
1998 - 2001	Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng, Đại học kinh tế quốc dân
2002 - 2008	Tiến sỹ kinh tế, Đại học kinh tế quốc dân

Quá trình làm việc

1979 - 1990	Giảng viên, Đại học kinh tế quốc dân
1990 - 1996	Cán bộ, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam
1996 - 2003	Phó giám đốc chi nhánh, Công ty Bảo hiểm Dầu khí
2003 - 2007	Cán bộ, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
2007 - nay	Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

2.4. Ông Nguyễn Xuân Hưng – Phó Tổng Giám đốc Công ty**Lý lịch trích ngang**

Họ và tên:	Nguyễn Xuân Hưng
Giới tính:	Nam
Dân tộc:	Kinh
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND số:	011923657 cấp ngày 06/02/2006 tại CA Hà Nội
Nơi đăng ký HKTT	P 201 – C10 Quỳnh Mai, Q. Hai Bà Trưng, HN
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn

1990- 1995	Cử nhân KT, Ngoại thương Trường ĐH Ngoại thương HN
2005-2007	Thạc sỹ QTKD (MBA), South Colombia University

Quá trình làm việc

1996 - 2000	Chuyên viên, Công ty Bảo hiểm Dầu khí
2000 - 2007	Phó Phòng DV&TCDN, Công ty Tài chính CP Dầu khí
2007 - 07/2007	Trưởng Phòng TCHC, Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
08/2007 - 04/2009	Giám đốc Ban Đầu tư, Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
04/2009 - nay	Phó Tổng Giám đốc, Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

2.5. Ông Trần Xuân Nam – Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh HCM

Lý lịch trích ngang

Họ và tên:	Trần Xuân Nam
Giới tính:	Nam
Dân tộc:	Kinh
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND số:	021838536 cấp ngày 9/12/1999 tại TP.HCM
Nơi đăng ký HKTT	256/4 Nguyễn Văn Đậu – P. 11 – Q. Bình Thạnh – TP.HCM
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân QTKD

Thời gian công tác

02/1987 - 12/1994	Phụ trách tiền lương, Lực lượng TNXP
01/1995 - 04/1997	Phụ trách Quản lý và điều hành SXKD, Cty TNHH Dệt may TM Tiên Phong
04/1997 - 2003	Chuyên viên Tư vấn Đầu tư, Quỹ đầu tư Phát triển đô thị TP.HCM
04/2003 - 12/2009	Giám đốc Tư vấn Tài chính, Doanh nghiệp Cty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM
02/2010 - nay	Phó GD Chi nhánh TP.HCM, Cty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

2.6. Bà Hoàng Hải Anh – Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Nội

Lý lịch trích ngang

Họ và tên:	Hoàng Hải Anh
Giới tính:	Nữ
Dân tộc:	Kinh
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND số:	011988062 cấp ngày 16/9/2004 tại CA TP Hà Nội
Nơi đăng ký HKTT	Số 14 ngõ 9, Huỳnh Thúc Kháng, Q. Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân QTKD

Quá trình học tập

1998 - 2002	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng, Đại học KTQD Hà Nội
-------------	--

Quá trình làm việc

03/2003 - 07/2007	Chuyên viên Đầu tư, Tổ trưởng tổ Tổng hợp & QL danh mục ĐT, PP TCNS và tiền lương, Công ty Tài chính CP Dầu khí
07/2007 - 07/2010	Giám đốc Đầu Tư, Phó Tổng Giám đốc, Công ty CP Đầu tư & Tư vấn Tài chính Dầu khí
08/2010 - nay	Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm

(Không có)

Số lượng cán bộ nhân viên tính đến ngày 31/12/2010: 248 người, cụ thể:

- Trụ sở Hà Nội	112 người
- Chi nhánh Hà Nội	48 người (bao gồm 11 chuyên viên Môi giới và Phát triển khách hàng (MGPTKH))
- Chi nhánh HCM	56 người (bao gồm 12 chuyên viên MGPTKH)
- Chi nhánh Vũng Tàu	14 người (bao gồm 04 chuyên viên MGPTKH)
- Chi nhánh Đà Nẵng	13 người (bao gồm 05 chuyên viên MGPTKH)
- Chi nhánh Hải Phòng	01 người
- Chi nhánh Thanh Hóa	03 người
- Chi nhánh Nghệ An	01 người

4. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng❖ **Tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 28/01/2010:** HĐQT Công ty có 4 thành viên:

- Ông Bùi Ngọc Thắng – Chủ tịch HĐQT, thành viên chuyên trách đại diện cho 21% vốn góp của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam tại Công ty.
- Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thành viên kiêm nhiệm, đại diện cho 34.63% vốn góp của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam tại Công ty.
- Ông Trịnh An Huy – Thành viên kiêm nhiệm, đại diện cho 12% vốn góp của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam tại Công ty.
- Bà Hà Lan – Thành viên kiêm nhiệm, đại diện cho 12% vốn góp của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam tại Công ty.

ĐHĐCĐ đã thống nhất thông qua:

- Miễn nhiệm chức danh Ủy viên HĐQT đối với ông Nguyễn Anh Tuấn;
- Miễn nhiệm chức danh Ủy viên HĐQT đối với bà Hà Lan;
- Miễn nhiệm chức danh Thành viên BKS đối với ông Ngô Nguyên Đán;
- Bầu bổ sung ông Vũ Thành Lê giữ chức Ủy viên HĐQT;
- Bầu bổ sung ông Đỗ Tuấn Bình giữ chức Ủy viên HĐQT;
- Bầu bổ sung ông Trần Minh Hoàng giữ chức Ủy viên HĐQT;
- Bầu bổ sung ông Đặng Phương Thủy giữ chức Thành viên BKS.

❖ **Tại ĐHĐCĐ bất thường ngày 26/05/2010:** HĐQT Công ty có 5 thành viên:

- Ông Bùi Ngọc Thắng – Chủ tịch HĐQT (thành viên chuyên trách)
- Ông Trần Minh Hoàng – Thành viên kiêm nhiệm
- Ông Trịnh An Huy – Thành viên kiêm nhiệm
- Ông Vũ Thành Lê – Thành viên kiêm nhiệm
- Ông Đỗ Tuấn Bình – Thành viên kiêm nhiệm

Trong đó, Ông Bùi Ngọc Thắng, ông Trịnh An Huy, ông Vũ Thành Lê và ông Đỗ Tuấn Bình đại diện cho 57.58% vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam tại Công ty; Ông Trần Minh Hoàng đại diện cho 1.25% vốn góp của Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Sài Gòn – Hà Nội tại Công ty.

ĐHĐCĐ đã thống nhất thông qua:

- Miễn nhiệm chức danh Ủy viên HĐQT đối với ông Vũ Thành Lê.
- Miễn nhiệm chức danh Ủy viên HĐQT đối với ông Đỗ Tuấn Bình.
- Miễn nhiệm chức danh Ủy viên HĐQT đối với ông Trịnh An Huy.
- Miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban Kiểm soát đối với ông Trần Ngọc Đốc.
- Miễn nhiệm chức danh Thành viên BKS đối với ông Nguyễn Anh Vũ.
- Bầu bổ sung ông Phạm Quang Huy giữ chức Ủy viên HĐQT.
- Bầu bổ sung ông Nguyễn Hoàng Nam giữ chức Ủy viên HĐQT.
- Bầu bổ sung ông Nguyễn Việt Hà giữ chức Ủy viên HĐQT.
- Bầu bổ sung ông Nguyễn Văn Nhiệm giữ chức Thành viên BKS.
- Bầu bổ sung bà Trần Thanh Huyền giữ chức Thành viên BKS.

PHẦN VIII: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2	Phạm Quang Huy	Ủy viên Hội đồng Quản trị
3	Nguyễn Việt Hà	Ủy viên Hội đồng Quản trị
4	Nguyễn Hoàng Nam	Ủy viên Hội đồng Quản trị
5	Trần Minh Hoàng	Ủy viên Hội đồng Quản trị

2. Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Nhiệm	Trưởng Ban kiểm soát
2	Đặng Phương Thủy	Thành viên không chuyên trách Ban Kiểm soát
3	Trần Thanh Huyền	Thành viên không chuyên trách Ban Kiểm soát

❖ Hoạt động của HĐQT/Hội đồng thành viên:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ không quá 5 năm.

❖ Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

Thành viên HĐQT nghiên cứu, đánh giá tình hình kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ. Theo dõi, giám sát các hoạt động của Công ty theo từng lĩnh vực được phân công phụ trách.

Các thành viên HĐQT, Ban TGDĐ đã được tham gia lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo quản lý chủ chốt do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tổ chức.

HĐQT thực hiện họp định kỳ hàng tháng để quyết định các vấn đề hoạt động kinh doanh của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.

❖ Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 5 năm, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty

❖ Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty:

- Ban hành các văn bản phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Hội đồng Quản trị;
- Duy trì các cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị, xây dựng kênh thông tin thường xuyên giữa các thành viên HĐQT;
- Xây dựng cơ chế và triển khai họp liên thông giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Công ty;
- Duy trì chế độ báo cáo của Ban Điều hành đối với HĐQT, tiếp tục triển khai minh bạch hóa hoạt động của Công ty.

❖ Thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát:

- Thù lao HĐQT (Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám Đốc): 59.850.000 đồng
- Trưởng Ban Kiểm soát: 36.337.500 đồng
- Thù lao của Ủy viên HĐQT không chuyên trách: 3.000.000 người/tháng x 3 người
- Thù lao của thành viên Ban KS không chuyên trách: 2.000.000 người/tháng x 2 người

❖ Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- Chủ tịch HĐQT Bùi Ngọc Thắng: đã hoàn thành khóa đào tạo bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo quản lý chủ chốt do Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt nam tổ chức.
- Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Phạm Quang Huy: Đã hoàn thành khóa đào tạo bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo quản lý chủ chốt do Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam tổ chức.

❖ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT:**

- Ông Bùi Ngọc Thắng: đại diện 2.800.000 cổ phần (giá trị theo mệnh giá 28.000.000.000đ) tương đương 5.5% vốn điều lệ của PSI;
- Ông Phạm Quang Huy: đại diện 4.574.289 cổ phần (giá trị theo mệnh giá 45.742.890.000 đ) tương đương 8.98% vốn điều lệ của PSI;
- Ông Nguyễn Hoàng Nam: đại diện 3.950.000 cổ phần (giá trị theo mệnh giá 39.500.000.000 đ) tương đương 7.76% vốn điều lệ của PSI;
- Ông Nguyễn Việt Hà: đại diện 4.000.000 cổ phần (giá trị theo mệnh giá 40.000.000.000 đ) tương đương 7.85% vốn điều lệ của PSI;
- Ông Trần Minh Hoàng: đại diện 8.659.000 cổ phần (giá trị theo mệnh giá 86.590.000.000 đ) tương đương 17% vốn điều lệ của PSI.

❖ **Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên:**

- **Ngày 4/5/2010:** Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI) thực hiện chuyển nhượng cổ phần sở hữu cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) và các nhà đầu tư khác theo Nghị quyết số 2721/NQ-DKVN ngày 02/4/2010 của HĐQT Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt chủ trương chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần chứng khoán Dầu khí của PVI sang PVFC và Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị PVI ngày 22/04/2010 về việc thực hiện chuyển nhượng cổ phần PSI sang PVFC.
- **Ngày 19/5/2010:** Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI) thực hiện chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu cho các nhà đầu tư cá nhân là cán bộ nhân viên PSI và PVI theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT PVI ngày 27/10/2009 của HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí phê duyệt phương án giảm vốn của PVI tại PSI.

❖ **Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:**

(Không có)

3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

3.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước:

(Không có)

3.2. Các Cổ đông lớn:

- | | |
|------------------|--|
| ❖ Tên Công ty: | Tổng công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam |
| Địa chỉ: | 22 Ngô Quyền – Hoàn Kiếm - Hà Nội |
| Tỷ lệ sở hữu CP: | 4.574.289 cổ phần chiếm tỷ lệ 8,98% vốn điều lệ |
| ❖ Tên Công ty: | Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Sài Gòn – Hà Nội |
| Địa chỉ: | Tầng 5, Tòa nhà Handico – số 34 Hai Bà Trưng, HN |
| Tỷ lệ sở hữu CP: | 8.659.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 17% vốn điều lệ. |
| ❖ Tên Công ty: | Công ty CP Đầu tư Tài chính Công Đoàn Dầu khí Việt Nam |
| Địa chỉ: | 4A Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội |
| Tỷ lệ sở hữu CP: | 4.000.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 7,85% vốn điều lệ. |

- ❖ Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Tài Chính Dầu khí Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 9-10 Tòa nhà 434 Trần Khát Chân, Hai Bà Trưng, HN
Tỷ lệ sở hữu CP: 3.950.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 7,76% vốn điều lệ.
- ❖ Tên Công ty: Công ty Cổ phần Du lịch Biển Mỹ Khê
Địa chỉ: Thôn Cổ Lũy, xã Tịnh Khê, Huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi
Tỷ lệ sở hữu CP: 2.800.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 5,50% vốn điều lệ.

3.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài:

(Không có)

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí!

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2010

Mẫu số B 01-CTCK

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1,615,225,424,430	1,017,438,378,066
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	669,525,119,879	337,412,062,234
1. Tiền	111		609,825,119,879	331,412,062,234
2. Các khoản tương đương tiền	112		59,700,000,000	6,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	628,959,695,317	497,046,152,182
1. Đầu tư ngắn hạn	121		654,177,994,428	499,051,504,980
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(25,218,299,111)	(2,005,352,798)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		307,781,638,062	180,191,913,096
1. Phải thu khách hàng	131	7	27,610,019,247	50,757,916,302
2. Trả trước cho người bán	132		2,508,511,049	394,193,422
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	8	30,723,595,000	28,972,060,000
4. Các khoản phải thu khác	138	9	246,939,512,766	100,067,743,372
IV. Hàng tồn kho	140		451,901,600	2,349,999
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8,507,069,572	2,785,900,555
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,675,856,882	2,133,214,040
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10,403,569	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	85,580,739
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6,820,809,121	567,105,776
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		90,291,443,118	68,386,901,159
I. Tài sản cố định	220		26,095,536,358	17,757,986,865
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	15,891,888,990	10,513,183,269
- Nguyên giá	222		23,151,916,716	14,953,671,007
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7,260,027,726)	(4,440,487,738)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	5,929,368,618	1,246,867,596
- Nguyên giá	228		8,347,933,480	1,925,250,830
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,418,564,862)	(678,383,234)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		4,274,278,750	5,997,936,000
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	55,000,000,000	48,232,100,000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		55,000,000,000	51,714,600,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(3,482,500,000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		9,195,906,760	2,396,814,294
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4,170,640,308	-
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		1,299,526,404	880,817,684
3. Tài sản dài hạn khác	268		3,725,740,048	1,515,996,610
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1,705,516,867,548	1,085,825,279,225

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2010

Mẫu số B 01-CTCK

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		1,107,477,656,243	664,036,000,648
I. Nợ ngắn hạn	310		1,107,338,656,243	664,036,000,648
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	300,000,000,000
2. Phải trả người bán	312		83,511,440	45,275,000
3. Người mua trả tiền trước	313		1,242,403,476	265,706,645
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	4,030,431,133	286,233,615
5. Phải trả người lao động	315		1,144,688,010	5,835,943,488
6. Chi phí phải trả	316		8,938,402,558	19,101,907,076
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		414,335,749,094	195,396,879,823
8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		21,199,852,897	6,390,215,213
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		208,216,128	(424,347,918)
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	14	656,155,401,507	137,138,187,706
11. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	339		139,000,000	-
B - NGUỒN VỐN (400=410+430)	400	15	598,039,211,305	421,789,278,577
I. Vốn chủ sở hữu	410		598,039,211,305	421,789,278,577
1. Vốn điều lệ	411		509,250,000,000	397,250,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		27,055,378,000	22,000,000,000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		6,740,232,026	257,656,762
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		54,993,601,279	2,281,621,815
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1,705,516,867,548	1,085,825,279,225

	Mã số	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
1. Chứng khoán lưu ký	006	5,669,891,200,000	1,696,867,730,000
2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	618,003,720,000	7,521,300,000
3. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	93,762,460,000	76,466,770,000

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/201

MẪU SỐ B 02-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01		258,656,043,296	156,936,105,590
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		28,247,400,990	10,229,770,987
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		82,343,172,104	81,699,168,316
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		5,950,578,000	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		18,181,140,043	2,329,872,819
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		4,635,466,389	1,277,129,989
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	127,935,205
Doanh thu khác	01.9	16	119,298,285,770	61,272,228,274
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		258,656,043,296	156,936,105,590
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	17	107,472,357,694	122,438,439,021
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		151,183,685,602	34,497,666,569
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		65,498,335,677	32,201,896,210
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		85,685,349,925	2,295,770,359
8. Thu nhập khác	31		1,200,000	154,039,008
9. Chi phí khác	32		11,044,682	-
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(9,844,682)	154,039,008
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		85,675,505,243	2,449,809,367
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	20,746,252,597	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		64,929,252,646	2,449,809,367
13. (60=50-51)				
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,418	78.30

Phụ lục 03: Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MẪU SỐ B 03-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	85,675,505,243	2,449,809,367
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4,559,721,616	2,641,056,058
Các khoản dự phòng	03	19,730,446,313	(27,989,630,038)
(Lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(2,690,494,854)	(25,567,705,322)
Chi phí lãi vay	06	41,283,080,922	17,033,333,333
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	148,558,259,240	(31,433,136,602)
(Tăng) các khoản phải thu	09	(200,464,418,466)	(35,409,887,888)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(449,551,601)	219,896,310
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	748,688,915,590	200,793,200,745
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	(40,429,005,273)	(47,050,920,357)
Tiền lãi vay đã trả	13	(54,811,424,356)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(17,790,720,674)	(85,580,739)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7,311,877,310)	(20,767,363)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	575,990,177,150	87,012,804,106
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8,622,992,359)	(12,812,775,788)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(55,000,000,000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,690,494,854	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(60,932,497,505)	(12,812,775,788)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	117,055,378,000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(300,000,000,000)	132,000,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(182,944,622,000)	132,000,000,000
- Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	332,113,057,645	206,200,028,318
- Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	337,412,062,234	131,212,033,916
- Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	669,525,119,879	337,412,062,234

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cùng với các cổ đông chiến lược khác thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103014903 ngày 14 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD ngày 19 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 150.000.000.000 đồng.

Ngày 10 tháng 7 năm 2008, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 140/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 150.000.000.000 đồng lên 287.250.000.000 đồng.

Theo Quyết định số 444/QĐ-UBCK ngày 28 tháng 7 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ đã góp vào Công ty cho Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam.

Ngày 25 tháng 01 năm 2010, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 298/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 287.250.000.000 đồng lên 397.250.000.000 đồng.

Ngày 11 tháng 6 năm 2010, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép sửa đổi số 331/UBCK-GP. Theo đó, vốn điều lệ đăng ký của Công ty tăng từ 397,25 tỷ đồng lên 485 tỷ đồng.

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2010 số 02/NQ-ĐHĐCĐ-CKDK ngày 26 tháng 5 năm 2010 thông qua Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí lên 1.018,5 tỷ đồng. Thời điểm phát hành dự kiến Quý 2 và Quý 3/2010 sau khi đã được UBCKNN phê duyệt và sau khi Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 1.018,5 tỷ đồng đã được Công ty trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được chấp thuận trong Công văn số 683/UBCK-QLKD ngày 24/9/2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí.

Ngày 24 tháng 9 năm 2010, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận số 6153/UBCK-GCN chứng nhận việc Công ty được phép chào bán 2.425.000 cổ phiếu phổ thông cho cán bộ công nhân viên và 50.925.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Ngày 23 tháng 9 năm 2010, Hội đồng Quản trị có Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT-CKDK thông qua danh sách cán bộ công nhân viên Công ty (sửa đổi, bổ sung) đính kèm Quy chế phát hành cổ phiếu theo Nghị quyết số 08 nêu trên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT-CKDK thông qua vốn điều lệ của Công ty là 509.250.000.000 đồng, theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí số 683/UBCK-GCN ngày 24 tháng 9 năm 2010 của UBCKNN, số lượng đợt 1 chào bán cho CBNV là 2.425.000 cổ phiếu.

Ngày 27 tháng 10 năm 2010, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép sửa đổi số 363/UBCK-GP. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty được đăng ký là 509.250.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 248 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 136 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn Kế toán mới

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Thông tư 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm về phân loại và trình bày, sửa đổi mã số và cơ sở lấy dữ liệu để lập một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính, Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Công ty sẽ thực hiện áp dụng Thông tư này kể từ năm 2011, theo đó, báo cáo tài chính năm 2009 và năm 2010 được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC nêu trên.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi ngân hàng bao gồm của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là các khoản đặt cọc cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Phụ lục 04: Thuyết minh Báo cáo Tài chính

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm hình thức "hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý danh mục đầu tư, ủy thác quản lý vốn" với nhà đầu tư, theo đó lợi nhuận phân chia cho Công ty không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của nhà đầu tư; Công ty được hưởng lợi nhuận theo tỷ lệ cố định trên phần vốn hợp tác của mình, theo số ngày thực tế hợp tác.

Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư được Công ty vận dụng theo như hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty áp dụng giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HNX và giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HOSE.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu, dựa trên việc tham khảo báo giá của 3 công ty chứng khoán khác do Công ty thu thập bao gồm: Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán MHB.
- Đối với hoạt động hợp tác đầu tư, dự phòng giảm giá cho được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc đối với từng hợp đồng hợp tác đầu tư phù hợp với điều kiện thị trường chứng khoán tại thời điểm trích lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá gốc của các khoản đầu tư xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, phải thu về ủy thác quản lý vốn, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

Doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Phụ lục 04: Thuyết minh Báo cáo Tài chính

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Hoạt động ủy thác đầu giá

Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi kỳ phiếu ngân hàng, lãi thu được từ hợp đồng bán chứng khoán và doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Phụ lục 04: Thuyết minh Báo cáo Tài chính

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bằng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Trong năm, Công ty đã ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá rằng lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Theo biên bản thanh tra thuế ngày 21/07/2008 của Tổng cục thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2007 được xác định trên cơ sở số liệu trước khi Công ty điều chỉnh hồi tố báo cáo số liệu trong báo cáo tài chính năm 2008. Ngày 8/7/2010, Cục thuế Hà Nội đã xác nhận Công ty không nợ tiền thuế và tiền phạt tại ngày này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty không cần phải lập dự phòng khoản thuế nói trên.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
111 Tiền mặt	785,099,089	681,686,323
112 Tiền gửi ngân hàng	597,890,912,505	322,257,841,153
<i>Trong đó: Tiền gửi của Nhà đầu tư</i>	<i>408,916,492,769</i>	<i>189,657,491,382</i>
118 Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	11,149,108,285	8,472,534,758
<i>Trong đó: Tiền gửi của Nhà đầu tư</i>	<i>6,459,427,176</i>	<i>8,160,988,031</i>
119 Các khoản tương đương tiền	59,700,000,000	6,000,000,000
	669,525,119,879	337,412,062,234

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Chứng khoán kinh doanh		
Cổ phiếu chưa niêm yết	84,011,297,788	14,800,000,000
Cổ phiếu niêm yết	72,443,981,979	1,719,397,780
Trái phiếu	102,000,000	102,000,000
	156,557,279,767	16,621,397,780
Đầu tư ngắn hạn khác		
Hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn, ủy thác quản lý danh mục đầu tư	471,974,634,661	482,430,107,200
Hợp đồng mua có kỳ hạn chứng khoán	24,646,080,000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	1,000,000,000	-
	497,620,714,661	482,430,107,200
Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	(2,742,730,028)	(1,920,000,000)
Dự phòng chứng khoán niêm yết	(13,913,100,376)	(85,352,798)
Dự phòng hợp tác đầu tư	(8,562,468,707)	-
	(25,218,299,111)	(2,005,352,798)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	628,959,695,317	497,046,152,182

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư	8,250,783,913	50,757,916,302
Phải thu dịch vụ tư vấn	10,149,555,323	-
Phải thu ủy thác quản lý vốn	6,804,405,001	-
Phải thu khác	2,405,275,010	-
	27,610,019,247	50,757,916,302

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Phải thu Sở giao dịch chứng khoán	1,915,000	928,570,000
Phải thu tổ chức phát hành, bảo lãnh phát hành chứng khoán	30,721,680,000	28,043,490,000
	30,723,595,000	28,972,060,000

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn	-	72,114,615,000
Phải thu phần trúng đấu giá từ hợp đồng ủy thác đấu giá	-	21,931,178,800
Tiền đặt cọc đấu giá của Công ty	-	3,517,500,000
Xử lý lỗi giao dịch	-	120,291,000
Ứng tiền mua gom trái phiếu cho đối tác (i)	77,000,000,000	-
Phải thu theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư	35,500,000,000	-
Hợp đồng tiền gửi (ii)	130,000,000,000	-
Lãi dự thu tiền gửi	1,985,777,779	-
Phải thu khác	2,453,734,987	2,384,158,572
	246,939,512,766	100,067,743,372

Phụ lục 04: Thuyết minh Báo cáo Tài chính

- (i) Ứng trước mua gom trái phiếu cho đối tác phản ánh khoản ứng trước theo hợp đồng giữa Công ty và đối tác, trong đó thỏa thuận đối tác sẽ thay mặt cho Công ty mua gom trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Doanh nghiệp và được hưởng phí dịch vụ trên tổng giá trị giao dịch thực tế. Hết thời hạn hiệu lực của hợp đồng, nếu không có khả năng tìm được người bán trái phiếu cho Công ty theo thỏa thuận, hoặc giá trị môi giới thực tế nhỏ hơn số tiền đặt cọc, hoặc Công ty có nhu cầu chấm dứt hợp đồng trước hạn, Công ty có thể thông báo bằng văn bản và đối tác có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty số tiền đặt cọc còn lại của Công ty trong vòng một ngày kể từ ngày hết hạn hiệu lực hợp đồng hoặc thời điểm nhận được thông báo chấm dứt Hợp đồng trước hạn của Công ty.
- (ii) Số dư hợp đồng tiền gửi phản ánh giá trị các hợp đồng tiền gửi ngắn hạn theo yêu cầu của đối tác và Công ty được hưởng tỷ lệ % phí dịch vụ quản lý.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ban Tổng giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu, ứng trước nêu trên và khẳng định không có khoản nào suy giảm giá trị cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	12,284,368,007	2,669,303,000	14,953,671,007
Tăng trong kỳ	7,201,836,209	996,409,500	8,198,245,709
Phân loại lại	(81,075,000)	81,075,000	-
Tại ngày 31/12/2010	19,405,129,216	3,746,787,500	23,151,916,716
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	3,853,180,477	587,307,261	4,440,487,738
Khấu hao trong kỳ	2,717,283,472	383,243,688	3,100,527,160
Điều chỉnh khác	(294,820,900)	13,833,728	(280,987,172)
Tại ngày 31/12/2010	6,275,643,049	984,384,677	7,260,027,726
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2010	8,431,187,530	2,081,995,739	10,513,183,269
Tại ngày 31/12/2010	13,129,486,167	2,762,402,823	15,891,888,990

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm ứng dụng VND	TSCĐ VH khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	1,925,250,830	-	1,925,250,830
Tăng trong kỳ	6,122,682,650	300,000,000	6,422,682,650
Tại ngày 31/12/2010	8,047,933,480	300,000,000	8,347,933,480
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	678,383,234	-	678,383,234
Khấu hao trong kỳ	1,431,129,940	28,064,516	1,459,194,456
Điều chỉnh khác	280,987,172	-	280,987,172
Tại ngày 31/12/2010	2,390,500,346	28,064,516	2,418,564,862
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2010	1,246,867,596	-	1,246,867,596
Tại ngày 31/12/2010	5,657,433,134	271,935,484	5,929,368,618

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn phản ánh số dư các khoản vốn góp của Công ty với mục đích nắm giữ dài hạn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã thực hiện đánh giá và khẳng định không phải trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư này.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế GTGT đầu ra	179,379,635	198,978,465
Thuế thu nhập cá nhân	981,100,314	87,255,150
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,869,951,184	-
	4,030,431,133	286,233,615

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		7,500,000,000
Phải trả Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí		50,000,000,000
Phải trả Ngân hàng TMCP Đại Dương		30,000,000,000
Phải trả Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (i)	638,000,000,000	-
Phải trả tiền đặt cọc đấu giá		248,804,760
Nhà đầu tư nộp tiền mua cổ phiếu, trái phiếu	8,990,802,230	46,882,776,000
Phải trả Sở giao dịch thanh toán bù trừ 3 ngày cuối năm	4,567,638,000	
Phải trả, phải nộp khác	4,596,961,277	2,506,606,946
	656,155,401,507	137,138,187,706

- (i) Theo hợp đồng số 102/2010/PVFC-PSI ngày 22/10/2010 ký với Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (PVFC), Công ty chịu trách nhiệm thu gom trái phiếu với số tiền PVFC đặt cọc. Ngay trong ngày đầu tiên, nếu Công ty không thu gom được, Công ty sẽ phải thực hiện gửi số tiền đặt cọc tại một trong số các ngân hàng thương mại lớn được chỉ định hoặc mua các loại giấy tờ có giá ngắn hạn do các Tổ chức tín dụng phát hành. Vào ngày các tổ chức tín dụng thanh toán lãi tiền gửi cho Công ty, Công ty phải hoàn trả ngay cho PVFC số tiền đặt cọc và lãi tiền gửi của khoản tiền đặt cọc mà PVFC được hưởng với mức lãi suất quy định trong hợp đồng. Tại ngày 31/12/2010, số dư tiền PVFC đặt cọc còn lại là 148 tỷ đồng.

Theo hợp đồng số 90/2010/PVFC – PSI ngày 16/09/2010 ký với PVFC, Công ty chịu trách nhiệm thu gom trái phiếu với số tiền PVFC đặt cọc. Nếu không thu gom được, Công ty phải trả PVFC khoản lãi của số tiền đặt cọc với lãi suất quy định tại từng phụ lục Hợp đồng cho từng đợt giải ngân. Tại ngày 31/12/2010, số dư tiền PVFC đặt cọc còn lại là 490 tỷ đồng.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	397,250,000,000	22,000,000,000	257,656,762	2,281,621,815	421,789,278,577
Góp vốn trong năm	112,000,000,000	5,055,378,000	-	-	117,055,378,000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	64,929,252,646	64,929,252,646
Trích lập quỹ	-	-	6,492,925,264	(12,217,273,182)	(5,724,347,918)
Chi quỹ	-	-	(10,350,000)	-	(10,350,000)
Số dư cuối kỳ	509,250,000,000	27,055,378,000	6,740,232,026	54,993,601,279	598,039,211,305

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế theo như quy định tại Thông tư số 11/200/TT-BTC ngày 01 tháng 2 năm 2000 của Bộ Tài chính quy định tỷ lệ cụ thể là trích lập 5% vào Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và 5% vào Quỹ dự trữ bắt buộc. Việc trích Quỹ khen thưởng phúc lợi được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 với số tiền 1.924.347.918 đồng và tạm trích theo phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng quản trị với số tiền 3,8 tỷ đồng.

15. DOANH THU KHÁC

	2010 VND	2009 VND
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	6,493,956,547	16,005,203,182
Doanh thu lãi tiền gửi	43,709,828,536	21,708,594,295
Doanh thu ủy thác quản lý danh mục đầu tư, hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn (*)	62,171,225,081	14,689,196,989
Doanh thu khác	6,923,275,606	8,869,233,808
	119,298,285,770	61,272,228,274

(*) Doanh thu ủy thác quản lý danh mục đầu tư, hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn phản ánh phần lãi Công ty thu được từ các hợp đồng này ký với các tổ chức và cá nhân trong năm. Hoạt động ủy thác quản lý danh mục đầu tư Công ty chịu rủi ro trong khi hoạt động hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn Công ty hưởng phí cố định không chịu rủi ro.

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	2010 VND	2009 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	6,314,771,412	8,577,616,441
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	10,323,843,258	107,266,873,638
Chi phí hoạt động tư vấn	5,341,633,894	453,645,780
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	1,997,022,294	6,250,000
Chi phí dự phòng	19,730,446,313	(27,989,630,038)
Chi phí khác (*)	63,764,640,523	34,123,683,200
	107,472,357,694	122,438,439,021

Phụ lục 04: Thuyết minh Báo cáo Tài chính

- (*) Chi phí khác chủ yếu là chi phí lãi phải trả cho các khoản tiền Công ty nhận ứng trước từ các đối tác để thu gom trái phiếu.

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận trước thuế	85,675,505,243	2,449,809,367
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	2,690,494,854	(3,175,179,176)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	156,000,000
Lợi nhuận tính thuế	82,985,010,389	(569,369,809)
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	20,746,252,597	-

Trong năm, Công ty đã ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá rằng lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

18. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngày 03 tháng 4 năm 2007, Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại thành phố Hồ Chí Minh đã ký Hợp đồng thuê nhà tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 8,639 USD/tháng. Thời hạn thuê là 5 năm được tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2015.

Ngày 10 tháng 02 năm 2010, Công ty ký với Tổng Công ty Du lịch Hà Nội về việc thuê một phần tòa nhà tại số 18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội để làm trụ sở làm việc với giá thuê 39.425 USD/tháng. Thời hạn thuê là 5 năm kể từ ngày từ ngày 01 tháng 4 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

Đơn vị: VND

STT	Khoản mục	Giá trị
I	Đầu tư ngắn hạn	156,557,279,767
1	Cổ phiếu OTC	84,011,297,788
2	Cổ phiếu niêm yết	72,443,981,979
3	Trái phiếu	102,000,000
II	Đầu tư dài hạn	55,000,000,000
	TỔNG	211,557,279,767

PHỤ LỤC 06: CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

